

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HSST

Ngày 13/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vi Hồng Lễ.**

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà **Đoàn Thị Nhâm.**

2. Bà **Đoàn Thị Minh Thu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tâm** – *Thư ký Tòa án thành phố Bắc Kạn.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Sơn** - *Kiểm sát viên.*

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường tổ 13, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức Th; (tên gọi khác: không);

Sinh ngày 12/02/1999 tại Bắc Kạn.

Nơi cư trú: Tổ Nà Pèn, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Tày;

Con ông Nguyễn Duy K và bà Trần Thị D; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2017 (trong một vụ án khác) cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại:*

Anh **Hà Đức L** - sinh năm 1993; trú tại: thôn Nà Kham, xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn – Vắng mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Hà Trọng H** – sinh năm 1974; trú tại: Tổ 17, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn – Có mặt.

Ông **Nguyễn Văn Th** – sinh năm 1964; trú tại: Tổ 2, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn – Vắng mặt.

**Người làm chứng:*

Anh **Trần Ngọc S** - sinh năm 1994; trú tại: Tổ 4, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn – Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Đức Th bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 06/3/2017 anh Hà Đức L, trú tại xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn sử dụng chiếc xe mô tô Yamaha Sirius BKS 97B1 – 62820 chở bạn là Nông Văn M đến quán internet gần cổng bến xe Bắc Kạn thì gặp Nguyễn Đức Th. Do quen biết nhau từ trước nên Th, L và M cùng ngồi chơi điện tử trong quán, đến trưa thì Th rủ L và M cùng đi xe mô tô BKS 97B1 – 62.820 của L đến nhà Bùi Cao C ở tổ 1A, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn chơi và nấu mì tôm ăn.

Khoảng 12 giờ cùng ngày có Trần Ngọc S đến nhà C tìm gặp Th. Th hỏi mượn xe mô tô BKS 97B1 – 628.20 của L để về nhà tắm rửa và xin tiền gia đình. Th hẹn khoảng 2 giờ sau sẽ quay lại trả xe cho L. L đồng ý, Th lấy xe đèo S về nhà mình xin tiền gia đình để trả tiền sửa xe cho S (vì trước đó, ngày 05/3/2017 Th mượn xe của S đi chơi bị ngã gây hư hỏng phải mang đi sửa). Do không xin được tiền Th nảy sinh ý định mang chiếc xe mượn của L đi cầm cố. Th đèo S đến tiệm cầm đồ của anh Hà Trọng H ở tổ 1, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn để cầm cố chiếc xe mô tô BKS 97B1- 628.20 lấy 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Anh H thấy chiếc xe có giá trị lớn hơn nhiều so với số tiền Th muốn vay nên đã sang gặp ông Nguyễn Văn Th là chủ hiệu cầm đồ T T ở tổ 2, phường Đức Xuân hỏi ông Th có nhận cầm cố chiếc xe trên không thì H sẽ nhận cầm cố hộ. Ông Th đồng ý đưa cho H 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) để nhận cầm cố chiếc xe. Anh H đem tiền về đưa cho Th và yêu cầu Th viết giấy vay nợ số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) và để lại chiếc xe làm tài sản thế chấp. Nhận được tiền Th gọi xe taxi cùng S đi đánh điện tử. Trên đường đi Th đưa cho S

1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) để trả tiền sửa xe, số tiền còn lại Th tiêu sài cá nhân hết.

Đến tối cùng ngày Th lại gọi điện cho anh H hỏi vay thêm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) từ việc cầm cố chiếc xe nói trên được anh H đồng ý, Th bảo S đến gặp anh H để lấy số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) về đưa cho Th.

Do quá thời gian Th hẹn đã lâu mà không thấy Th quay lại trả xe, anh L gọi điện và liên lạc với Th qua facebook nhưng Th không trả lời. Đến ngày 08/3/2017 anh L cùng với gia đình mang Giấy đăng ký xe mô tô đến nhà Th để gặp nhưng không thấy Th nên đã đến Công an phường Đức Xuân trình báo sự việc.

Ngày 27/3/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn trưng cầu Hội đồng định giá tài sản thành phố xác định giá trị của chiếc xe. Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 12/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bắc Kạn kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 97B1 – 628.20 trị giá 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*).

Tại bản cáo trạng số 30/KSĐT ngày 08/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Th về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a)

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đức Th như trong cáo trạng.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Khoảng 12h 30 phút ngày 06/3/2017, tại tổ 1A, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn. Nguyễn Đức Th có hành vi mượn chiếc xe mô tô của anh Hà Đức L đem đi cầm cố với ông Nguyễn Văn Th và anh Hà Trọng H để vay số tiền 2.300.000^d (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*). Th đã tiêu hết số tiền trên và không có khả năng trả lại tài sản cho anh Hà Đức L.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đức Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Đức Th về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 140/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 04/3/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn đã xử phạt bị xử phạt 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, nhưng khi đang chấp hành thời gian thử thách của bản án trên, bị cáo Th không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, mà còn lao sâu vào con đường phạm tội. Bởi vậy đối với bị cáo cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; được hưởng tình tiết giảm nhẹ là *Thành khẩn khai báo* quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS. Mặt khác ông nội của bị cáo là người có công với nước, vì vậy khi lượng hình được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46/BLHS.

Tại bản án số 21/2016/HSST ngày 04/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn đã xử phạt Nguyễn Đức Th 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội “*Cưỡng đoạt chiếm đoạt tài sản*”, lúc phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, bị cáo đang chấp hành bản án, lại phạm tội mới trong thời gian thử thách. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 107/BLHS năm 2015 và nguyên tắc có lợi cho bị cáo, thì bị cáo được coi là không có án tích. Do vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là *tái phạm*.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh Hà Đức L đã được nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô BKS 97B1 – 628.20, nay không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th yêu cầu Th phải trả lại số tiền 2.000.000đ; anh Hà Trọng H yêu cầu Th trả lại số tiền 300.000đ. Xét thấy yêu cầu của ông Th và anh H là có cơ sở. Vì vậy buộc bị cáo Nguyễn Đức Th phải có trách nhiệm bồi thường các khoản tiền trên.

* Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 97B1 – 62.820 và giấy đăng ký xe mang tên Hà Thị S (mẹ đẻ của L), quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Còn 01 quyển sổ giấy dòng kẻ ngang gồm 80 trang, bên trong có ghi giấy vay tiền và thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 97B1 – 628.20 vào ngày 06/3/2017. Cần tách tờ có ghi giấy vay tiền chuyển theo hồ sơ vụ án, còn quyển sổ trả lại cho anh Hà Trọng H.

* Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này còn có Trần Ngọc S là người cùng đi với Th đến quán bán xe máy của anh Hà Trọng H để cầm cố xe mô tô BKS 97B1 – 628.20. Sau đó, S được Th trả cho số tiền 1.200.000đ để trả tiền sửa xe máy nhưng S không biết việc Th lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh L, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Ngọc S là đúng pháp luật.

Đối với anh Hà Trọng H và ông Nguyễn Văn Th là những người đã bỏ số tiền 2.300.000đ để nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 97B1 – 628.20 cho Nguyễn Đức Th nhưng anh H và ông Th không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Th phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/ Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

** Về trách nhiệm dân sự :*

- Áp dụng Điều 42/BLHS và các Điều 584,585,586 và 589/BLDS. Buộc bị cáo Nguyễn Đức Th phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Th và anh Hà Trọng H tổng số tiền là 2.300.000^d (Hai triệu ba trăm nghìn đồng). Cụ thể :

+ Bồi thường cho ông Nguyễn Văn Th, trú tại tổ 2 phường Đức xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

+ Bồi thường cho anh Hà Trọng H, trú tại tổ 17 phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo Điều 357/BLDS về việc tính lãi suất.

** Về vật chứng:*

- Áp dụng Điều 41/BLHS và Điều 76/BLTTHS.

Chuyển kèm theo hồ sơ vụ án 01(một) tờ giấy dòng kẻ ngang bên trong có ghi giấy vay tiền và thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 97B1-628.20 vào ngày 06/3/2017. Còn quyền sở giấy dòng kẻ ngang trả lại cho anh Hà Trọng H, trú tại tổ 17 phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. (Tình trạng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn ngày 08/9/2017).

** Về án phí:*

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức Th phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh 1;
- VKSND thành phố 2;
- Công an thành phố 1;
- Chi cục THA thành phố 1;
- Sở tư pháp tỉnh 1;
- Bị cáo; bị hại; người lq 4;
- Hồ sơ 1;
- Lưu 1.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vi Hồng Lễ